

Kinh Tăng Chi Bộ I – Chương 1 – 14. Phẩm Người Tối Thắng

188. “Etadaggaṃ, bhikkhave, mama sāvakaṇaṃ bhikkhūnaṃ rattaññūnaṃ yadidaṃ aññāsikoṇḍañño.”

“Này các Tỳ-khưu, trong số các Tỳ-khưu đệ tử của Như Lai, vị tối thắng về trí tuệ hiểu biết nhanh chóng là Tôn giả Aññā Koṇḍañña (A-nhã Kiểu-trần-như).”

189. “... Mahāpaññaṃ yadidaṃ sārīputta.”

“Trong số các vị đệ tử có trí tuệ vĩ đại, vị tối thắng là Tôn giả Sārīputta (Xá-lợi-phất).”

190. “... Iddhimantaṃ yadidaṃ mahāmoggallāna.”

“Trong số các vị đệ tử có thần thông, vị tối thắng là Tôn giả Mahāmoggallāna (Mục-kiền-liên).”

191. “... Dhutavādānaṃ yadidaṃ mahākassapa.”

“Trong số các vị đệ tử sống với các pháp đầu-đà, vị tối thắng là Tôn giả Mahākassapa (Đại Ca-diếp).”

192. “... Dibbacakkhukānaṃ yadidaṃ anuruddha.”

“Trong số các vị đệ tử có thiên nhãn, vị tối thắng là Tôn giả Anuruddha (A-na-luật).”

193. “... Uccākulikānaṃ yadidaṃ bhaddiya kālīgodhāyaputta.”

“Trong số các vị đệ tử xuất thân từ dòng dõi cao quý, vị tối thắng là Tôn giả Bhaddiya Kālīgodhāyaputta (Bạt-đề, con trai của Ca-la-cồ-đà).”

194. “... Mañjussarānaṃ yadidaṃ lakuṇḍaka bhaddiya.”

“Trong số các vị đệ tử có giọng nói thanh tao, vị tối thắng là Tôn giả Lakuṇḍaka Bhaddiya (Bạt-đề nhỏ bé, Batal-đề Người Lùn, La-quần-đặc-ca Batal-đề).”

195. “... Sīhanādikānaṃ yadidaṃ piṇḍolabhāradvāja.”

“Trong số các vị đệ tử thuyết giảng với tiếng rống sư tử, vị tối thắng là Tôn giả Piṇḍola Bhāradvāja (Tân-đầu-lô Bà-la-đậu).”

196. “... Dhammakathikānaṃ yadidaṃ puṇṇa mantāṇiputta.”

“Trong số các vị đệ tử là pháp sư, vị tối thắng là Tôn giả Puṇṇa Mantāṇiputta (Phú-lâu-na, con trai của Mãn-thán-ni).”

197. “... Saṃkhittena bhāsitaṃ vitthārena atthaṃ vibhajantānaṃ yadidaṃ mahākaccāna.”

“Trong số các vị đệ tử có khả năng giải thích rộng ý nghĩa của các bài pháp tóm tắt, vị tối thắng là Tôn giả Mahākaccāna (Đại Kaccāna, Đại Ca-chiên-diên).”

Vaggo paṭhamo.

Phẩm Thứ Nhất.

198. “Etadaggaṃ, bhikkhave, mama sāvakaṇaṃ bhikkhūnaṃ manomayaṃ kāyaṃ abhinimminantānaṃ yadidaṃ cūḷapanthako.”

“Này các Tỳ-khưu, trong số các Tỳ-khưu đệ tử của Như Lai, vị tối thắng về khả năng tạo ra thân ý sinh là Tôn giả Cūḷapanthaka.”

199. “... Cetovivaṭṭakusalānaṃ yadidaṃ cūḷapanthako.”

“Trong số các vị đệ tử khéo léo trong việc giải thoát tâm, vị tối thắng là Tôn giả Cūḷapanthaka (Tiểu Bàn-đặc, Cù-lô Bàn-đặc).”

200. “... Saññāvivaṭṭakusalānaṃ yadidaṃ mahāpanthako.”

“Trong số các vị đệ tử khéo léo trong việc giải thoát tướng, vị tối thắng là Tôn giả Mahāpanthaka (Đại Bàn-đặc, Ma-ha Bàn-đặc).”

201. “... Araṇavihārīnaṃ yadidaṃ subhūti.”

“Trong số các vị đệ tử trú trong an bình, vị tối thắng là Tôn giả Subhūti (Tùy-ti, Tu-bồ-đề).”

202. “... Dakkhiṇeyyānaṃ yadidaṃ subhūti.”

“Trong số các vị đệ tử xứng đáng thọ nhận sự cúng dường, vị tối thắng là Tôn giả Subhūti.”

203. “... Āraññakānaṃ yadidaṃ revato khadiravaniyo.”

“Trong số các vị đệ tử sống trong rừng, vị tối thắng là Tôn giả Revata Khadiravaniya (Rê-va-đa Khadi-la-vaniya, Ly Bà Đa Người đến từ rừng cây khô).”

204. “... Jhāyīnaṃ yadidaṃ kaṅkhārevato.”

“Trong số các vị đệ tử nhập thiền, vị tối thắng là Tôn giả Kaṅkhā Revata (Nghĩ ngờ Rê-va-đa, Can-kha Rê-va-đa).”

205. “... Āraddhavīriyānaṃ yadidaṃ soṇa koḷiviso.”

“Trong số các vị đệ tử tinh cần tu tập, vị tối thắng là Tôn giả Soṇa Koḷivisa (Xoa-na Cổ-li-vi-sa, Xoa-na thuộc dòng họ Cổ-li).”

206. “... Kalyāṇavākkaraṇāṇaṃ yadidaṃ soṇa kuṭikaṇṇo.”

“Trong số các vị đệ tử có lời nói khéo léo, vị tối thắng là Tôn giả Soṇa Kuṭikaṇṇa (Xoa-na Cù-đi-ca-nhã, Xoa-na con của gia đình nhỏ).”

207. “... Lābhīnaṃ yadidaṃ sīvali.”

“Trong số các vị đệ tử thọ nhận vật dụng nhiều nhất, vị tối thắng là Tôn giả Sīvali (Xi-va-li, Người mang lại sự thịnh vượng).”

208. “... Saddhādhimuttānaṃ yadidaṃ vakkalīti.”

“Trong số các vị đệ tử có niềm tin mạnh mẽ, vị tối thắng là Tôn giả Vakkali (Va-đa-ca-li, Người thuyết giảng).”

Vaggo dutiyo.

Phẩm Thứ Hai.

209. “Etadaggaṃ, bhikkhave, mama sāvakānaṃ bhikkhūnaṃ sikkhākāmānaṃ yadidaṃ rāhulo.”

“Này các Tỳ-khưu, trong số các Tỳ-khưu đệ tử của Như Lai, vị tối thắng về mong muốn học hỏi là Tôn giả Rāhula (Ra-hu-la, La-hầu-la, Chướng ngại).”

210. “... Saddhāpabbajitānaṃ yadidaṃ raṭṭhapālo.”

“Trong số các vị đệ tử đã xuất gia với lòng tin vững chắc, vị tối thắng là Tôn giả Raṭṭhapāla (Rạt-đa-pa-la, Người bảo vệ đất nước, tổ quốc).”

211. “... Paṭhamam salākaṃ gaṇhantānaṃ yadidaṃ kuṇḍadhāno.”

“Trong số các vị đệ tử khi lần đầu nhận lấy những đồ vật nhỏ, vị tối thắng là Tôn giả Kuṇḍadhāna (Cu-đà-tha-na, Cửa cải trong bình, Người có tài sản).”

212. “... Paṭibhānavantānaṃ yadidaṃ vaṅgīso.”

“Trong số các vị đệ tử có khả năng diễn thuyết, vị tối thắng là Tôn giả Vaṅgīsa (Văng-gi-sa, Người ca hát, ca sĩ).”

213. “... Samantapāsādikānaṃ yadidaṃ upaseno vaṅgantaputto.”

“Trong số các vị đệ tử có sự an ổn từ mọi phía, vị tối thắng là Tôn giả Upasena Vaṅgantaputta (Ú-pa-xê-na Văng-gan-ta-bút-ta, Con trai của người hát, ca sĩ).”

214. “... Senāsanapaññāpakānaṃ yadidaṃ dabbo mallaputto.”

“Trong số các vị đệ tử biết cách chuẩn bị chỗ nghỉ ngơi, vị tối thắng là Tôn giả Dabbo Mallaputta (Đáp-bô Man-la-bút-ta, con trai của dòng họ Man-la).”

215. “... Devatānaṃ piyamanāpānaṃ yadidaṃ pilindavaccho.”

“Trong số các vị đệ tử được chư thiên yêu mến, vị tối thắng là Tôn giả Pilindavaccha (Bi-lin-đa Vac-cha, đứa con trai).”

216. “... Khippābhiññānaṃ yadidaṃ bāhiyo dārucīriyo.”

“Trong số các vị đệ tử chứng ngộ nhanh chóng, vị tối thắng là Tôn giả Bāhiyo Dārucīriyo (Ba-hi-ô Đà-ru-chi-ri-ô, người mặc áo làm từ gỗ).”

217. “... Cittakathikānaṃ yadidaṃ kumārakassapo.”

“Trong số các vị đệ tử thuyết giảng về tâm, vị tối thắng là Tôn giả Kumārakassapa (Cư-mã-ra Ca-diếp, Thái tử Ca Diếp).”

218. “... Paṭisambhidāpattānaṃ yadidaṃ mahākoṭṭhitoti.”

“Trong số các vị đệ tử đạt được bốn loại trí phân tích, vị tối thắng là Tôn giả Mahākoṭṭhita (Ma-ha-cốt-thi-ta, Người bảo vệ, giữ kho báu vĩ đại).”

Vaggo tatiyo.

Phẩm Thứ Ba.

219. “Etadaggaṃ, bhikkhave, mama sāvakaṇaṃ bhikkhūnaṃ bahussutānaṃ yadidaṃ ānando.”

“Này các Tỳ-khưu, trong số các Tỳ-khưu đệ tử của Như Lai, vị tối thắng về sự thông suốt các kinh điển là Tôn giả Ānanda (A-nan-đà, Nan-đà).”

220. “... Satimantānaṃ yadidaṃ ānando.”

“Trong số các vị đệ tử có niệm, vị tối thắng là Tôn giả Ānanda.”

221. “... Gatimantānaṃ yadidaṃ ānando.”

“Trong số các vị đệ tử có sự tiến bước vững chắc, vị tối thắng là Tôn giả Ānanda.”

222. “... Dhitimantānaṃ yadidaṃ ānando.”

“Trong số các vị đệ tử có nghị lực kiên cường, vị tối thắng là Tôn giả Ānanda.”

223. “... Upaṭṭhākānaṃ yadidaṃ ānando.”

“Trong số các vị đệ tử biết phục vụ, vị tối thắng là Tôn giả Ānanda.”

224. “... Mahāparisānaṃ yadidaṃ uruvelakassapo.”

“Trong số các vị đệ tử có đại chúng theo sau, vị tối thắng là Tôn giả Uruvelakassapa (U-ru-ve-la Ca-diếp, Ca Diếp đến từ vùng đất rộng lớn).”

225. “... Kulappasādakānaṃ yadidaṃ kāḷudāyī.”

“Trong số các vị đệ tử có thân thể cao quý, vị tối thắng là Tôn giả Kāḷudāyī (Ca-lu Đà-di, Người ban phát đen).”

226. “... Appābādhānaṃ yadidaṃ bākulo.”

“Trong số các vị đệ tử không bị làm phiền, vị tối thắng là Tôn giả Bākula (Ba-khu-la, Người thỏa mãn, Cây hoa).”

227. “... Pubbenivāsaṃ anussarantānaṃ yadidaṃ sobhito.”

“Trong số các vị đệ tử nhớ lại tiền kiếp, vị tối thắng là Tôn giả Sobhita (Sô-bi-ta, Tô Tỳ Đa, Người tỏa sáng, đẹp đẽ).”

228. “... Vinayadharānaṃ yadidaṃ upāli.”

“Trong số các vị đệ tử trì giữ giới luật, vị tối thắng là Tôn giả Upāli (Ư-pa-li, Ưu-bà-li).”

229. “... Bhikkhunovādakānaṃ yadidaṃ nandako.”

“Trong số các vị đệ tử hướng dẫn Tỳ-khưu ni, vị tối thắng là Tôn giả Nandako (Nan-đa-cô, Người mang niềm vui).”

230. “... Indriyesu guttadvārānaṃ yadidaṃ nando.”

“Trong số các vị đệ tử có khả năng kiểm soát các căn, vị tối thắng là Tôn giả Nando (Nan-đô, Người mang niềm vui).”

231. “... Bhikkhuovādakānaṃ yadidaṃ mahākappino.”

“Trong số các vị đệ tử hướng dẫn Tỳ-khưu, vị tối thắng là Tôn giả Mahākappina (Ma-ha-káp-pi-na, Đại káp-pi-na, Káp-pi-na Vĩ đại).”

232. “... Tejodhātukusalānaṃ yadidaṃ sāgato.”

“Trong số các vị đệ tử có khả năng điều khiển nguyên tố lửa, vị tối thắng là Tôn giả Sāgato (Sa-ga-to, Người được chào đón).”

233. “... Paṭibhāneyyakānaṃ yadidaṃ rādhō.”

“Trong số các vị đệ tử có khả năng diễn đạt tốt, vị tối thắng là Tôn giả Rādhō (Ra-đô).”

234. “... Lūkhacīvaradharānaṃ yadidaṃ mogharājāti.”

“Trong số các vị đệ tử mặc y phục thô, vị tối thắng là Tôn giả Mogharāja (Mô-gha Ra-ja, Mô-ga Rà-da, Vị vua của sự vô ích, trống rỗng).”

Vaggo catuttho.

Phẩm Thứ Tư.

235. “Etadaggaṃ, bhikkhave, mama sāvikanāṃ bhikkhunīnaṃ rattaññūnaṃ yadidaṃ mahāpajāpatigotamī.”

“Này các Tỳ-khưu, trong số các Tỳ-khưu ni đệ tử của Như Lai, vị tối thắng về sự hiểu biết sâu sắc là Tôn giả Mahāpajāpatī Gotamī (Đại Pa-cha-pa-ti Cồ-đạt-mi, Nữ hoàng Cồ-đạt-mi).”

236. “... Mahāpaññānaṃ yadidaṃ khemā.”

“Trong số các vị Tỳ-khưu ni có trí tuệ vĩ đại, vị tối thắng là Tôn giả Khemā (Khe-ma, Người an ổn, người bình an).”

237. “... Iddhimantīnaṃ yadidaṃ uppalavaṇṇā.”

“Trong số các vị Tỳ-khưu ni có thần thông, vị tối thắng là Tôn giả Uppalavaṇṇā (Úp-pa-la Vần-nà, Hoa sen sắc đẹp).”

238. “... Vinayadharānaṃ yadidaṃ paṭācārā.”

“Trong số các vị Tỳ-khưu ni trì giữ giới luật, vị tối thắng là Tôn giả Paṭācārā (Pa-đá-ca-ra, Người mặc áo, người hành giả).”

239. “... Dhammakathikānaṃ yadidaṃ dhammadinnā.”

“Trong số các vị Tỳ-khưu ni thuyết giảng Chánh pháp, vị tối thắng là Tôn giả Dhammadinnā (Đam-ma-đin-nà, Người dâng hiến Pháp).”

240. “... Jhāyīnaṃ yadidaṃ nandā.”

“Trong số các vị Tỳ-khưu ni nhập thiền, vị tối thắng là Tôn giả Nandā (Nan-đà, Người mang niềm vui).”

241. “... Āraddhavīriyānaṃ yadidaṃ soṇā.”

“Trong số các vị Tỳ-khưu ni tinh cần tu tập, vị tối thắng là Tôn giả Soṇā (Xoa-na, Người rực rỡ như vàng).”

242. “... Dibbacakkhukānaṃ yadidaṃ bakulā.”

“Trong số các vị Tỳ-khưu ni có thiên nhãn, vị tối thắng là Tôn giả Bakulā (Ba-ku-la, Người

đẹp như hoa).”

243. “... Khippābhiññānaṃ yadidaṃ bhaddā kuṇḍalakesā.”

“Trong số các vị Tỳ-khưu ni chứng ngộ nhanh chóng, vị tối thắng là Tôn giả Bhaddā Kuṇḍalakesā (Bạt-đà Tóc Xoăn, Bạt-đà Kun-đa-la-kê-sà).”

244. “... Pubbenivāsaṃ anussarantīnaṃ yadidaṃ bhaddā kāpilānī.”

“Trong số các vị Tỳ-khưu ni nhớ lại tiền kiếp, vị tối thắng là Tôn giả Bhaddā Kāpilānī (Bạt-đà Ca-pi-la-ni, Mỹ Hạnh Ca-pi-la-ni).”

245. “... Mahābhiññappattānaṃ yadidaṃ bhaddakaccānā.”

“Trong số các vị Tỳ-khưu ni đã đạt được đại thần thông, vị tối thắng là Tôn giả Bhaddakaccānā (Bạt-đà Ca-chi-a-na, Hiền, người thuộc dòng họ Ca-chi-a-na).”

246. “... Lūkhacīvaradharānaṃ yadidaṃ kisāgotamī.”

“Trong số các vị Tỳ-khưu ni mặc y phục thô, vị tối thắng là Tôn giả Kisāgotamī (Kì-sa Cổ-đạt-mi, Cổ-đạt-mi người gầy yếu).”

247. “... Saddhādhimuttānaṃ yadidaṃ siṅgālakamātā.”

“Trong số các vị Tỳ-khưu ni có lòng tin vững mạnh, vị tối thắng là Tôn giả Siṅgālakamātā (Sinh-đa-la Mã-đà, Mẹ của con chó hoang).”

Vaggo pañcama.

Phẩm Thứ Năm.

248. “Etadaggaṃ, bhikkhave, mama sāvakaṇaṃ upāsakaṇaṃ paṭhamam saraṇam gacchantānaṃ yadidaṃ tapussabhallikā vāṇijā.”

“Này các Tỳ-khưu, trong số các tín đồ của Như Lai, vị tối thắng về sự tìm cầu nơi nương tựa đầu tiên là Tôn giả Tapussa (Ta-pút-sa, Người tu khổ hạnh) và Bhallika (Bà-ly-ca, Người hoàn thiện, người có phẩm hạnh), hai thương nhân.”

249. “... Dāyakānaṃ yadidaṃ sudatto gahapati anāthapiṇḍiko.”

“Trong số các vị cúng dường, vị tối thắng là Tôn giả Sudatta, cư sĩ Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc, A-na-tha Pìn-đi-ca, Người giúp đỡ những người không nơi nương tựa).”

250. “... Dhammakathikānaṃ yadidaṃ citto gahapati macchikāsaṇḍiko.”

“Trong số các vị thuyết giảng Chánh pháp, vị tối thắng là Tôn giả Citto, cư sĩ Macchikāsaṇḍika (Mác-chí-ca San-đi-ca, Người liên quan đến cá, nơi tụ tập cá).”

251. “... Catūhi saṅgahavatthūhi parisam saṅgaṇhantānaṃ yadidaṃ hatthako ālavako.”

“Trong số các vị đệ tử đoàn kết bằng bốn phương tiện, vị tối thắng là Tôn giả Hatthako Ālavako (Hát-tha-ca A-la-va-ca, Người mạnh mẽ từ A-la-qua-cha).”

252. “... Paṇīṭadāyakānaṃ yadidaṃ mahānāmo sakko.”

“Trong số các vị cúng dường cao quý, vị tối thắng là Tôn giả Mahānāmo (Ma-ha-na-mô, Danh tiếng vĩ đại), cư sĩ Sakko (Sắc-cô, Người mạnh mẽ, người có sức mạnh).”

253. “... Manāpadāyakānaṃ yadidaṃ uggo gahapati vesāliko.”

“Trong số các vị cúng dường với lòng thành, vị tối thắng là Tôn giả Uggō (U-gô, Người vươn lên, người phát triển), cư sĩ Vesālīka (Ve-sa-li-ca, Người đến từ Vesālī).”

254. “... Saṅghupaṭṭhākānaṃ yadidaṃ hatthigāmakō uggato gahapati.”

“Trong số các vị hỗ trợ Tăng đoàn, vị tối thắng là Tôn giả Hatthigāmakō Uggato (Hát-thi-ga-ma-co U-ga-to, Người làng voi, người vươn lên), cư sĩ.”

255. “... Aveccappasannānaṃ yadidaṃ sūrambaṭṭho.”

“Trong số các vị có lòng tin không hối tiếc, vị tối thắng là Tôn giả Sūrambaṭṭho (Su-ra Bát-thô, Anh hùng bảo vệ).”

256. “... Puggalappasannānaṃ yadidaṃ jīvako komārabhacco.”

“Trong số các vị có lòng tín thành với người, vị tối thắng là Tôn giả Jīvako (Gi-va-cô, Người của sự sống), Komārabhacco (Cô-má-ra Bát-cho, Con trai của thái tử).”

257. “... Vissāsakānaṃ yadidaṃ nakulapitā gahapatīti.”

“Trong số các vị đáng tin cậy, vị tối thắng là Tôn giả Nakulapitā (Na-cu-la Pi-tà, Cha của Na-cu-la), cư sĩ.”

Vaggo chaṭṭho.

Phẩm Thứ Sáu.

258. “Etadaggaṃ, bhikkhave, mama sāvikanāṃ upāsikanāṃ paṭhamāṃ saraṇaṃ gacchantīnaṃ yadidaṃ sujātā seniyadhītā.”

“Này các Tỳ-khưu, trong số các tín đồ của Như Lai, vị tối thắng về việc tìm cầu nơi nương tựa đầu tiên là Tôn giả Sujātā (Thiện Sanh, Su-dà-ta, Người sinh ra tốt đẹp), con gái của Seniyadhītā (Sê-ní-da Đi-tha, Người có trí tuệ và phẩm hạnh).”

259. “... Dāyikānaṃ yadidaṃ visākhā migāramātā.”

“Trong số các vị cúng dường, vị tối thắng là Tôn giả Visākhā, mẹ của Migāra (Mi-ga-ra, Con hươu, con nai).”

260. “... Bahussutānaṃ yadidaṃ khujjuttarā.”

“Trong số các vị thuyết giảng có học rộng, vị tối thắng là Tôn giả Khujjuttarā (Khư-cha Út-ta-ra, Người lưng cong cao quý).”

261. “... Mettāvihārīnaṃ yadidaṃ sāmāvatī.”

“Trong số các vị sống với tâm từ bi, vị tối thắng là Tôn giả Sāmāvatī (Sa-ma Va-ti, Người hòa hợp và duy trì phẩm hạnh).”

262. “... Jhāyīnaṃ yadidaṃ uttarānandamātā.”

“Trong số các vị nhập thiền, vị tối thắng là Tôn giả Uttaraānandamātā (Út-ta-ra A-nan-đa Mã-tà, Mẹ của sự hạnh phúc vĩ đại).”

263. “... Paṇītaḍāyikānaṃ yadidaṃ suppavāsā koliyadhītā.”

“Trong số các vị cúng dường cao quý, vị tối thắng là Tôn giả Suppavāsā (Su-pa Va-sa, Người mặc áo tốt đẹp, Người sống tốt đẹp), con gái của Koliyā (Co-li-yà).”

264. “... Gilānupaṭṭhākīnaṃ yadidaṃ suppiyā upāsikā.”

“Trong số các vị chăm sóc người bệnh, vị tối thắng là Tôn giả Suppiyā (Su-pi-yà, Người tốt đẹp, người hoàn hảo), một tín đồ.”

265. “... Aveccappasannānaṃ yadidaṃ kātiyānī.”

“Trong số các vị có lòng tin không hối tiếc, vị tối thắng là Tôn giả Kātiyānī (Ca-ti-ya Á-ni, Người nữ thuộc dòng họ Ca-ti-da).”

266. “... Vissāsikānaṃ yadidaṃ nakulamātā gahapatānī.”

“Trong số các vị đáng tin cậy, vị tối thắng là Tôn giả Nakulamātā (Na-cu-la Mã-tà, Mẹ của Na-cu-la), cư sĩ.”

267. “... Anussavappasannānaṃ yadidaṃ kālī upāsikā kulagharikā.”

“Trong số các vị có lòng tin thành qua nghe, vị tối thắng là Tôn giả Kālī (Ca-lí, Người mang màu đen), tín đồ thuộc gia đình cao quý.”

Vaggo sattamo.

Phẩm Thứ Bảy.

Etadaggavaggo cuddasamo.

Phẩm Tối Thắng là phẩm thứ mười ba.